

Số: 87/BC-UBND

Quảng Lợi, ngày 04 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình triển khai công tác Cải cách hành chính Quý I và phương hướng nhiệm vụ Quý II/2022

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CCHC

1. Tình hình tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 về triển khai công tác Cải cách hành chính năm 2022 nhằm đảm bảo về yêu cầu thời gian ban hành Kế hoạch CCHC năm. Sau khi nhận được kế hoạch triển khai công tác CCHC năm 2022 của UBND tỉnh và UBND huyện ban hành, đồng thời được sự hướng dẫn của cấp trên. Nội dung của kế hoạch đảm bảo các nội dung gồm: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách thủ tục hành chính; (3) Cải cách tổ chức bộ máy; (4) Cải cách công vụ; (5) Cải cách tài chính công; (6) Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính quyền số.

Đồng thời, UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2022 về công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022; ban hành các kế hoạch khác để triển khai công tác CCHC năm 2022 như: Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC; kiểm tra công vụ; kế hoạch CCHC gắn với chính quyền điện tử; kế hoạch duy trì, cải tiến Hệ thống QLCL ISO 9001:2015 tại xã; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; kế hoạch kiểm soát TTHC; kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC... và nhiều văn bản khác nhằm triển khai công tác CCHC có hiệu quả tại UBND xã.

2. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2022 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức năm 2022, thời gian và nội dung kiểm tra: Thời gian kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công chức từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm kiểm tra.

- UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2022 về kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở năm 2022. Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, UBND xã đã chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê xã chuẩn bị các điều kiện để đoàn kiểm tra của xã làm việc và thực hiện đúng tiến độ kiểm tra theo kế hoạch đề ra.

- Mục đích của kiểm tra nhằm Đánh giá đúng tình hình chỉ đạo, triển khai,

tổ chức thực hiện công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả sử dụng thời gian làm việc tại cơ quan; chấn chỉnh, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách. Phát hiện và kiến nghị khắc phục những sai sót hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm những hành vi vi phạm các quy định hiện hành của nhà nước; nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc, ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính nâng cao hiệu quả triển khai công tác cải cách hành chính tại UBND xã.

3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Sau khi ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2022 về công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022. Ủy ban nhân dân xã tiếp tục cập nhật kịp thời, đồng thời triển khai niêm yết tại bảng niêm yết danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và bảng thông báo tại Bộ phận TN&TKQ danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Trong Quý I năm 2022, tiếp tục thực hiện Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các xã, phường, thị trấn. Đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện và của xã về công tác cải cách hành chính; thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của xã; hệ thống đài truyền thanh xã nhằm nâng cao nhận thức về cải cách hành chính cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân.

- Ủy ban nhân dân xã đã thường xuyên đăng tải tin, bài về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ (<https://quangloi.thuathienhue.gov.vn>).

- Tiếp tục tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử và hệ thống bảng niêm yết Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và nhiều văn bản khác.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 423/KH-UBND ngày 23/12/2021 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2022; Kế hoạch số 422/KH-UBND ngày 23/12/2021 về triển khai công tác phổ biến giáo dục Pháp luật QPPL 2022; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 26/01/2022 về theo dõi tình hình thi hành Pháp luật năm 2022. Đồng thời chỉ đạo Văn phòng HĐND và

UBND xã phối hợp các ngành liên quan chủ động tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính thông thường để trình HĐND-UBND quyết định. Trong quá trình ban hành văn bản UBND xã đã tăng cường chỉ đạo việc thực hiện rà soát các loại văn bản không còn hiệu lực để bãi bỏ, đồng thời bổ sung các văn bản mới ban hành khi soạn thảo văn bản. HĐND xã đã ban hành văn bản được thể hiện trong Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong Quý I/2022 Hội đồng Nhân dân xã đã ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch về công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; kế hoạch về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022. Đồng thời tổ chức triển khai thực hiện các nội dung năm trong kế hoạch theo đúng tiến độ và thời gian đề ra.

- Để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, tổ chức đến thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. UBND xã tiếp tục tổ chức, thực hiện tốt Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tiếp tục tiến hành niêm yết tại Bộ phận TN&TKQ UBND xã địa chỉ công khai tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Trong Quý I/2022 UBND xã không nhận được phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của tổ chức, công dân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy đảm bảo hợp lý, khoa học, tinh gọn hoạt động có hiệu quả.

- Tiến hành xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, tận tụy phục vụ nhân dân. Xác định cụ thể các chức danh và tiêu chuẩn công chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ.

*Tổng số cán bộ, công chức: 21 người. Trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: Đại học 17 người, chiếm tỷ lệ 80,95%; Cao đẳng 01 người, chiếm tỷ lệ 0,4%; Trung cấp 03 người, chiếm tỷ lệ 1,4%; -

Về trình độ lý luận chính trị: Trung cấp lý luận chính trị 20 người, chiếm tỷ lệ 95%.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện công tác CCHC trên địa bàn xã nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện công tác dân vận chính quyền, nâng cao chỉ số CCHC của xã, chỉ đạo thực hiện nghiêm các văn bản liên quan đến việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh.

- UBND xã cũng đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2022 về Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2022. Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, UBND xã đã chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê xã chuẩn bị các điều kiện để đoàn kiểm tra của xã làm việc và thực hiện đúng tiến độ kiểm tra theo kế hoạch đề ra.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành. Thực hiện tốt các văn bản của cấp trên về thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong cơ quan hành chính nhà nước.

* Về thực hiện chế độ khoán biên chế

- Tổng số biên chế được giao: 21 người

- Số biên chế có mặt: 21 người; số biên chế tiết kiệm: 00 người

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Xác định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cải cách hành chính, phục vụ tốt hơn hoạt động của cơ quan và giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức. Để triển khai có hiệu quả nội dung hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong các văn bản của cấp trên và nhu cầu thực tế tại địa phương, trong thời gian qua Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản, để ưu tiên phát triển ứng dụng CNTT.

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 05/01/2022 về Triển khai thực hiện Chương trình trọng điểm về nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông

nghiệp và đẩy mạnh ứng dụng khoa học-công nghệ vào sản xuất năm 2022; kế hoạch 03/KH-UBND ngày 05/01/2022 về ứng dụng công nghệ thông tin năm 2022 tại xã Quảng Lợi, cùng nhiều văn bản khác phục vụ cho công tác ứng dụng CNTT tại đơn vị. Đến nay đã triển khai hiệu quả các kế hoạch.

- Ủy ban nhân dân xã đã phân công công chức Văn phòng thống kê có trình độ tin học đạt chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản kiêm nhiệm về công nghệ thông tin tại cơ quan.

- Mục tiêu của nhiệm vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số tại xã Quảng Lợi năm 2022 gồm:

+ Hoàn thành xây dựng và triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành trong năm 2022.

+ 100% phần mềm dùng chung của UBND tỉnh được UBND xã triển khai đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo 100% công việc, văn bản trao đổi giữa UBND xã và các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử.

+ 100% tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh.

+ 65% hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại UBND xã.

+ Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ Tiếp tục duy trì việc thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; tiến tới ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), quản lý chất lượng theo hệ thống ISO điện tử.

- Trong Quý I/2022, nhằm tiếp tục phát huy hiệu quả của việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của UBND xã. UBND xã đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện, cụ thể gồm: Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 18/01/2022 về duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Lợi năm 2022; Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 về việc ban hành Mục tiêu chất lượng năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi; Kế hoạch số 35/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi...

- Trong thời gian tới, UBND xã tiếp tục tiến hành rà soát danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, từ đó tiến hành công bố lần 05 Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Lợi.

7. Tổ chức chỉ đạo, điều hành

- Xác định CCHC là một nhiệm vụ trọng tâm, UBND xã đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2022 về việc phân công công tác của Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND năm 2022. Trong đó phân công Chủ tịch UBND xã chỉ đạo chung, trực tiếp xử lý thường xuyên về công tác cải cách hành chính; ban hành Quyết định số 138/QĐ-UNND ngày 04/8/2019 về kiện toàn, bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi.

- Lãnh đạo UBND xã chỉ đạo công chức chuyên môn phụ trách cải cách hành chính tham mưu ban hành các báo cáo, kế hoạch, tài liệu cải cách hành chính theo quy định của cấp trên.

- Hàng tháng, thông qua cáo cuộc họp giao ban, Thường trực UBND xã đôn đốc, nhắc nhở cán bộ công chức thực hiện nhiệm các văn bản của cấp trên, của UBND xã về cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Những ưu điểm

- Công tác cải cách hành chính đã được Đảng ủy, HĐND, UBND xã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, thể chế hành chính ngày càng đổi mới, đúng pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, đã được đầu tư cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị phục vụ cho công tác cải cách hành chính.

- Việc rà soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, liên tục, bảo đảm thực hiện đúng theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính. Chất lượng cải cách thủ tục hành chính ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã được đẩy mạnh và đạt được một số kết quả bước đầu, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, tuy vậy công tác cải cách hành chính tại UBND xã vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Trình độ của cán bộ, công chức về công nghệ thông tin còn hạn chế cũng là nguyên nhân gây khó khăn trong việc thực hiện cải cách hành chính.

- Hệ thống phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung của tỉnh đôi lúc hoạt động không ổn định và còn hay bị trục trặc.

- Thủ tục hành chính thay đổi liên tục làm cho tiến độ triển khai chậm và chưa đồng bộ, gây khó khăn trong công tác kiểm soát, rà soát, đánh giá TTHC, cập nhật quy trình ISO vào hệ thống.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG QUÝ II/2022

1. Tiếp tục triển khai thực hiện theo các văn bản của cấp trên về công tác CCHC. Tiếp tục tổ chức, thực hiện tốt Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế...

2. Triển khai thực hiện tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin; kiểm soát thủ tục hành chính; cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa và công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định. Kiến nghị điều chỉnh các phần mềm dùng chung đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền công tác cải cách hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ, năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức. Tổ chức thực hiện tốt cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật tránh gây phiền hà, sách nhiễu đối với tổ chức, cá nhân. Phân đấu thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm sau cao hơn năm trước. Tăng cường công tác tổ chức thực thi pháp luật trong cơ quan, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, minh bạch hóa hoạt động hành chính.

3. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật. Khắc phục những thiếu sót về thể thức văn bản, phát huy dân chủ, tiếp thu ý kiến của nhân dân để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL do HĐND và UBND ban hành để loại bỏ những quy định không phù hợp, hết thời hạn hiệu lực, tránh chồng chéo và không đúng thẩm quyền.

4. Phát huy năng lực, nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò của cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành, quản lý và giải quyết công việc, đảm bảo giải quyết công việc thông suốt, kịp thời.

5. Duy trì, triển khai và thực hiện tốt cải cách tài chính công, tiếp tục thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

6. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, xác định rõ vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đại diện lãnh đạo về chất lượng (QMR) trong việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất. Hoàn thiện hệ thống văn bản của cơ quan trong việc chỉ đạo, điều hành.

7. Đổi mới mạnh mẽ lề lối làm việc, phương pháp chỉ đạo điều hành và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu.

8. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế “Một cửa, một cửa liên thông” trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC, tiến tới thực hiện đồng bộ hệ thống tin học hóa trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức, nâng cao chỉ số cải cách hành chính. Tăng cường trao đổi, xin ý kiến của các cơ quan liên quan, phối hợp giải quyết những tồn tại trong liên thông TTHC. Góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giải quyết TTHC nói chung và TTHC liên thông nói riêng.

9. Tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành và hoạt động thực thi nhiệm vụ của cán bộ công chức. Phấn đấu nâng cao hơn nữa chỉ số về ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp tục triển khai xây dựng, nâng cao hơn nữa chỉ số, mức độ chính quyền điện tử.

10. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cấp trên để cử cán bộ, công chức tham gia các khoá học nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, kỹ năng tin học, tập huấn khai thác và sử dụng có hiệu quả các phần mềm được triển khai.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kính đề nghị UBND tỉnh, UBND huyện Quan tâm đến chế độ, chính sách cho cán bộ làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính cũng như cán bộ đầu mối trong ứng dụng công nghệ thông tin cấp xã, tạo thêm động lực cho cán bộ phụ trách kiêm nhiệm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

- Kính đề nghị UBND tỉnh, UBND huyện và các cơ quan cấp trên mở thêm các lớp tập huấn về kiểm soát thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ, đồng thời mở rộng đối tượng tham gia tập huấn trong triển khai, đưa vào sử dụng các phần mềm phục vụ hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong tình hình mới.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác Cải cách hành chính Quý I/2022 và phương hướng, nhiệm vụ Quý II/2022 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- TV Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Bộ phận TN&TKQ;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hiền

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 87/BC-UBND ngày 04/3/2022 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
Trong đó	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.2.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao		0	Trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh hoặc các ý kiến chỉ đạo giao cho UBND huyện thực hiện, trên cơ sở đó UBND huyện giao lại cho cơ quan, đơn vị, địa phương nào chủ trì thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm tổng hợp khi báo cáo
1.2.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.2.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.3.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.3.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	36	
1.3.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.4.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	112	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	112	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	112	
2.4.1	Tỷ lệ xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát	%	0	
Trong đó	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Công khai TTHC và công khai tiến độ giải quyết hồ sơ		118	
3.1.1	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp được công khai trên Trang thông tin điện tử		116	
3.1.2	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được công khai trên Trang thông tin điện tử và Bảng niêm yết tại Trụ sở		116	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của UBND cấp xã		116	Áp dụng đối với cấp xã
3.2.	Thống kê TTHC			
3.2.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.2.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục		
3.3.	Vận hành Cổng dịch vụ công			Thống kê theo cấp quản lý
3.3.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3			
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện			
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3			
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến			
3.3.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4			
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện			
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4			
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến			
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
Trong đó	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức 3 và 4	Thủ tục		
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức 3 và 4 đã tích hợp, công khai	Thủ tục		
3.3.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ		
3.3.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
Trong đó	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	Thủ tục		
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	Thủ tục		
3.4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			Thống kê theo cấp quản lý
3.4.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.4.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.4.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
3.4.4.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.4.5.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.5.	Kết quả giải quyết TTHC			
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%		
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Số liệu về biên chế công chức		21	
4.1.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	21	
4.1.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	21	
4.1.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.1.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.1.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.2.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.2.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.2.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.2.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.1.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.1.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.1.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
5.1.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.1.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.	Số lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được tuyển chọn, bổ	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	nhiệm thông qua thi tuyển			
5.3.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật <i>(cả về Đảng và chính quyền)</i> .			
Trong đó	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
Trong đó	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
	Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp (ĐVSN)			
Trong đó	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		
	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		
	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		
	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Đã thực hiện=0 Chưa thực hiện=1		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND cấp huyện	%		
7.5.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh dưới dạng điện tử	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử <i>(Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%		
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.6	Kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		